

Di cư hôn nhân Việt Nam - Hàn Quốc: những vấn đề đặt ra

Lê Thị Quý

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài là điều bình thường, được pháp luật Việt Nam thừa nhận và bảo vệ, song hiện nay có nhiều vấn đề nảy sinh từ các cuộc hôn nhân này. Từ các nguồn tài liệu sẵn có, bài viết tập trung xem xét thực trạng vấn đề kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc và những vấn đề đặt ra với cuộc sống hôn nhân của các cặp vợ chồng Việt - Hàn, cũng như các hoạt động hỗ trợ hiện nay cho những cuộc hôn nhân này. Tác giả cũng cho rằng để đảm bảo được vai trò và khả năng xây dựng gia đình của các cặp vợ chồng quốc tế trong thực hiện các chức năng kinh tế, xã hội, chính trị, thoả mãn tình cảm, giáo dục.. cần hướng tới mục tiêu mang lại sự hoà nhập cho các cô dâu nước ngoài vào xã hội, cũng như thiết lập các hoạt động hỗ trợ và có sự điều chỉnh chính sách từ cả hai phía Việt Nam và Hàn Quốc.

Từ khoá: Hôn nhân; Phụ nữ lấy chồng nước ngoài; Hôn nhân Việt Nam – Hàn Quốc.

1. Hôn nhân Việt Nam – Hàn Quốc

Di cư lấy chồng nước ngoài, con đường của nhiều cô gái nông thôn

Ở Việt Nam hiện nay, con đường di cư hợp pháp kết hôn với người nước ngoài, đặc biệt là Đài Loan, Hàn Quốc đang phát triển mạnh. Theo

thống kê, từ năm 1995-2007 có khoảng 180.000 người Việt Nam kết hôn với người của 60 nước trong đó phụ nữ chiếm tới 80% (Tổng cục Thống kê, 2008). Trong ba năm gần đây (2005 - 2007) có gần 32.000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài, phần lớn lấy chồng Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc. Thời gian đầu, số phụ nữ lấy chồng Đài Loan rất cao nhưng những năm sau đó, số phụ nữ lấy chồng Hàn Quốc tăng vọt.

Theo Cục Thống kê Hàn Quốc, trong vòng 5 năm qua, tỷ lệ kết hôn với người nước ngoài của Hàn Quốc tăng lên ba lần, trong đó tỷ lệ đàn ông Hàn Quốc lấy vợ Việt Nam tăng đến 43 lần, năm 2001 là 134 người, đến năm 2005 là 5.822 người (Korean Times).

Theo một nghiên cứu của Philipine thì giữa năm 1989-1999 hơn 175,000 người Philipine trong đó 91% là phụ nữ đã đăng ký hôn nhân với nước ngoài (APMM, 2007). Hàn Quốc có 1.066.273 người di cư, trong đó người di cư kết hôn chiếm 10,35% mà phần lớn trong số này (88,1%) là phụ nữ (theo cơ quan thống kê quốc gia Hàn Quốc, 2007). Năm 2008, theo báo cáo của Bộ Bình đẳng giới Hàn Quốc, trong 5 năm gần đây, con số nam giới Hàn Quốc kết hôn với người nước ngoài tăng gấp 3 lần. Năm 2007, cứ trong 100 nam giới thì có 8 người lập gia đình với người nước ngoài. Ở những khu vực nông thôn, con số này còn có thể tăng lên tới 30-40%. Vào năm 2006, trong số những nông dân đã kết hôn, có 40% (3.500) người kết hôn với phụ nữ nước ngoài. Theo báo cáo này, những người nông dân khó có thể tìm được những người vợ địa phương. Vào năm 2007, số phụ nữ nhập cư vào Hàn Quốc đã tăng tới 130.000 người (phụ nữ Philipine khoảng 7.601 chiếm 5,8%, Trung Quốc là 52.000 người chiếm 40% và phụ nữ Việt Nam là 20,942 người chiếm 16%) (Mary Lou L.Alcid, 2008).

Thống kê sơ bộ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng cho thấy, từ năm 1996 đến nay, Việt Nam đã phát hiện được hàng chục ngàn phụ nữ và trẻ em bị buôn bán qua biên giới dưới hình thức môi giới hôn nhân. (Tintuc online, ngày 7/10/2006). Theo báo cáo của Viện nghiên cứu Pháp lý, Bộ Tư pháp Việt Nam (2003) thì trong năm 2003, các cặp Việt - Đài, Việt - Hàn chiếm 90% trong tổng số 13.777 người có hôn nhân với nước ngoài, trong đó Việt - Hàn chiếm 10% với 1.400 trường hợp. Năm 2004, các cặp Việt - Đài, Việt - Hàn chiếm 95% trong tổng số 13.427 người có hôn nhân với nước ngoài, trong đó Việt - Hàn chiếm 20% với hơn 2.000 trường hợp. Những địa phương có nhiều phụ nữ lấy chồng Hàn Quốc, Đài Loan là An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ (phía Nam) và Hải Phòng, Quảng

Ninh (phía Bắc). Thậm chí, có những địa phương có tới 80% phụ nữ trẻ lấy chồng nên được đặt tên là “Làng Đài Loan”, “Làng Hàn Quốc”. Bên cạnh đó vẫn tồn tại con đường di cư (phần lớn là bất hợp pháp) của phụ nữ Việt Nam sang lấy chồng Trung Quốc từ những năm 1990.

Di cư kết hôn thường là những phụ nữ ở các quốc gia đang phát triển tới những quốc gia phát triển. Hiện tượng này có những lý do mang tính toàn cầu. Vào đầu thập niên 90, hôn nhân giữa nam giới Hàn Quốc và phụ nữ nước ngoài đã được bắt đầu với một chương trình của chính phủ Hàn Quốc nhằm phục hồi cộng đồng nông thôn. Phụ nữ nông thôn Hàn Quốc rời bỏ quê hương đến làm việc trong những khu kinh tế công nghiệp, để lại đằng sau là những người đàn ông. Hôn nhân giữa nam giới Hàn Quốc và phụ nữ Trung Quốc được Chính phủ và chính quyền địa phương khuyến khích. Vào năm 2000, những quốc gia ở Đông Nam Á như Philipine và Việt Nam bắt đầu nổi lên như những quốc gia cung cấp nguồn cô dâu nước ngoài lý tưởng.

Một nhà nghiên cứu Hàn Quốc, Song Hyang Suk cho rằng, xu hướng kết hôn hiện tại giữa nam giới Hàn Quốc với phụ nữ nước ngoài là do “tỷ lệ giới tính méo mó”, tỷ lệ sinh ở Hàn Quốc là 116 nam và 100 nữ; và cũng do sở thích của phụ nữ Hàn Quốc thích “sự tự do cá nhân thông qua nghề nghiệp” và hệ quả là việc giảm số phụ nữ mong muốn kết hôn, trong khi những giá trị truyền thống của nam giới Hàn Quốc vẫn được nhấn mạnh là “trách nhiệm lập gia đình, sinh con và trợ cấp cho cha mẹ”.

Mặt khác, một số nam giới Hàn Quốc do bất lợi về hình thức, về kinh tế hoặc xã hội khiến họ không thể tìm được những người phụ nữ Hàn Quốc như mong muốn. Thông qua những người môi giới hôn nhân, những mạng lưới xã hội, họ đã hướng sự chú ý tới phụ nữ Đông Nam Á nghèo hơn, có hoàn cảnh khó khăn hơn, những người có thể thực hiện vai trò tái sản xuất mang đặc trưng giới truyền thống: “ở nhà, chăm sóc con cái và làm việc nhà”. (Mary Lou L. Alcid, 2008).

Cũng như vậy, các cô gái Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc thường rất nghèo, họ thất nghiệp hoặc làm nghề nông và họ rất trẻ, thường chỉ trên dưới 20 tuổi, hầu hết chưa lập gia đình. Phần lớn các cô gái này có trình độ học vấn trung bình. Trong khi đó, những người chồng Hàn Quốc thường nhiều tuổi. Họ là những người làm các nghề như: nông, lâm, ngư nghiệp, bốc vác, lái xe taxi, sửa xe ô tô. Nhiều người đã ly dị hoặc có người bị tàn tật. Tình trạng kinh tế của họ ở mức trung bình hoặc nghèo. Điều này khiến cho nhiều cô dâu Việt Nam cảm thấy thất vọng.

Tình trạng môi giới hôn nhân

Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài là điều tất yếu và được pháp luật Việt Nam thừa nhận và bảo vệ. Quan hệ hôn nhân chính đáng cần được khích lệ khi dựa trên cơ sở bình đẳng, có tình yêu thật sự và xây dựng gia đình hạnh phúc. Các cuộc hôn nhân này đang là một cầu nối tình hữu nghị và giao lưu văn hoá giữa các nước. Tuy nhiên, trong thực tế đã có nhiều cuộc kết hôn không hề tuân theo những yếu tố quan trọng đó. Điều đáng lo ngại là một số phụ nữ Việt Nam không có mục đích rõ ràng trong hôn nhân mà chỉ mong được đổi đời. Họ chỉ hiểu đơn giản là cứ bước chân qua biên giới thì họ sẽ lấy được người chồng giàu và trở nên giàu có. Họ sẽ có cuộc sống thanh nhàn, được chiều chuộng, hạnh phúc thậm chí có tiền tích lũy để gửi về giúp đỡ gia đình. Nhưng họ không đủ thông tin về nơi đến cũng như không hiểu được những khó khăn, nguy hiểm sẽ phải đương đầu.

Những năm gần đây, rất nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài chủ yếu thông qua dịch vụ môi giới hôn nhân. Tuy nhiên, các dịch vụ này đã làm việc không đúng như mong đợi, thậm chí có một số tổ chức buôn bán phụ nữ trá hình. Thủ đoạn của họ là lừa gạt phụ nữ bằng hình ảnh những người đàn ông Hàn Quốc khoẻ mạnh, đẹp trai, giàu tình cảm và giàu có. Họ vẽ ra cuộc sống no đủ tại Hàn Quốc. Trên thực tế cũng có một số cô gái may mắn gặp được người có nhu cầu lấy vợ thực sự và mong muốn xây dựng cuộc sống gia đình, nên cô dâu Việt Nam đã có một cuộc sống êm ả ở Hàn Quốc. Tuy nhiên cũng có không ít phụ nữ đã bị lừa gạt, ép buộc phải lấy những người chồng không phù hợp, tàn tật, mắc bệnh thần kinh và kết cục là một cuộc sống cơ cực, vất vả. Một số là nạn nhân của bạo lực gia đình, thậm chí có người bị chồng giết chết.

Các tổ chức môi giới hôn nhân thường có sự kết hợp giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Nhiều người Hàn Quốc mót nối với các nhóm môi giới ở Việt Nam tổ chức các cuộc “tuyển vợ” đại trà. Ngày 9/4/2007, Công an quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đã khám phá một đường dây môi giới hôn nhân bất hợp pháp cho 118 cô gái ở phường 10. Khi công an ập đến vào căn nhà, họ thấy 118 cô gái trẻ quê ở các tỉnh miền Tây đang đứng làm mẫu cho 8 người đàn ông Hàn Quốc tuyển chọn làm vợ. Có ít nhất 20 chủ môi giới đã cung cấp các cô gái Việt đến đây (Việt báo.vn, ngày 10/4/2007). Đến nay, các vụ mua vợ kiểu này vẫn tiếp tục diễn ra và một số vụ bị khám phá trong năm 2008, 2009.

Rõ ràng là những kẻ buôn người đã lợi dụng chính sách của nhà nước

Việt Nam để hành nghề. Chỉ sau 3 ngày đến 1 tuần, những cô gái được tuyển chọn sẽ được tổ chức đám cưới. Đám cưới có thể có mặt hoặc vắng mặt chú rể. Nhà gái có thể nhận được một số tiền hỗ trợ hoặc phải đóng một số tiền gọi là “phí lấy chồng”.

2. Hôn nhân Việt - Hàn: Những vấn đề đặt ra

Cuộc sống của các cặp vợ chồng Việt - Hàn

Di cư kết hôn đã làm ảnh hưởng đến các gia đình của các cô gái. Việc kết hôn nhanh chóng khiến cô dâu không kịp có sự chuẩn bị. Trong khi đó, những vấn đề mà phụ nữ di cư kết hôn phải đối mặt là hết sức nghiêm trọng và phức tạp. Đó là những khác biệt về văn hóa, luật pháp, phong tục tập quán, ăn uống, ngôn ngữ và lối sống. Nhiều cặp vợ chồng không có tình yêu, chỉ sống theo nghĩa vụ và sinh con. Những bất hoà phần lớn xuất phát từ nguyên nhân tài chính. Nhiều cô dâu (phần lớn ở phía Bắc), do phải nộp một món tiền lớn cho kẻ môi giới nên cố gắng lấy lại tiền từ chồng mình để gửi về quê cho cha mẹ trả nợ. Người chồng cho rằng vợ mình kết hôn chỉ vì tiền nên rất bất mãn. Họ lo ngại người vợ có thể bỏ trốn nên không cho vợ giữ tiền và không muốn cho vợ tiếp xúc nhiều với bên ngoài. Mâu thuẫn ngày càng trở nên sâu sắc khi họ không hiểu ngôn ngữ của nhau. Các mối quan hệ giữa cô dâu ngoại quốc với gia đình chồng, đặc biệt là mẹ chồng cũng không dễ dàng trong phong tục khác biệt giữa hai nước đã làm cuộc sống của cặp vợ chồng thêm nặng nề.

Thực tế đã cho thấy những người đàn ông Hàn Quốc lấy vợ nước ngoài cũng rất bận rộn kiếm sống. Qua các trung tâm môi giới, họ chỉ biết lơ mơ về người vợ tương lai của mình. Có nhiều người muốn nói rõ hoàn cảnh của mình cho đối tượng mình muốn cưới về làm vợ, song các trung tâm môi giới và người thông dịch chỉ mong muốn kết thúc công việc và kiếm được tiền nhanh nhất, nên không cho các cô dâu biết đầy đủ thông tin về những người chồng Hàn tương lai. Chính vì vậy khi sang đến Hàn Quốc, nhiều cô gái Việt thường vỡ mộng vì thấy rằng mọi thứ không như mình mong muốn hoặc như người môi giới hứa hẹn.

Dường như nền kinh tế thị trường càng phát triển thì việc kết hôn càng rút ngắn thời gian và tình cảm. Người ta chấp nhận việc tính toán tiền nong, hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh đất nước hơn là xem xét bản chất của hôn nhân, tìm hiểu về nhân cách sống, về tình yêu và những điều kiện cơ bản của một cuộc hôn nhân lành mạnh. Việc người đàn ông xuất phát từ những nước giàu hơn đã khiến anh ta có nhiều lợi thế và càng khẳng định đẳng

cấp vị trí ông chủ của anh ta. Thêm nữa, chủ nghĩa gia trưởng càng tạo ra sự phân biệt giới sâu sắc trong các gia đình khác chủng tộc.

Việc giữ tiền và giữ vợ của một số người chồng Hàn Quốc đã không phù hợp với phong tục của người Việt. Phụ nữ Việt Nam khi bị bó buộc ở nhà như vậy thường cảm thấy bức xúc, cô đơn. Một số người đã bỏ trốn ra ngoài để đi làm kiếm tiền, không muốn bị phụ thuộc và được tự do.

Như vậy, mặc dù được sang nước giàu hơn nhưng không phải vì thế mà tất cả phụ nữ di cư có hạnh phúc và hoà nhập ngay với xã hội Hàn Quốc. Ngược lại quá trình này gặp rất nhiều trở ngại. Bên cạnh đó, việc nhập quốc tịch cho các cô dâu cũng không đơn giản. Các cô phải thi đậu kỳ thi “Nhập quốc tịch”, phải học ít nhất 200 giờ của “Chương trình hội nhập xã hội” trong 17 tháng, mỗi tuần 3 tiếng (Ahn Kyong Hwan, 2009).

Vấn đề việc làm, vấn đề con lai và việc giáo dục chúng cả hai ngôn ngữ và nền văn hoá cũng gặp rất nhiều khó khăn. Thế hệ này sẽ là cầu nối cho tình hữu nghị và giao lưu văn hoá trong tương lai của hai nước “thông gia”. Tuy nhiên, vấn đề này hầu như còn bỏ ngỏ.

Nếu không giải quyết tốt các vấn đề trên thì cuộc sống gia đình của các cặp vợ chồng Việt - Hàn sẽ không yên ổn dẫn tới một số trường hợp xung đột, bạo lực, ly hôn làm ảnh hưởng đến kết cấu gia đình họ. Theo giáo sư Ahn Kyong Hwan, trường đại học Chosun, Hàn Quốc thì số vụ ly hôn của các cặp vợ chồng quốc tế năm 2003 là 2.784 vụ thì đến năm 2007 đã tăng lên là 8.348 vụ (Ahn Kyong Hwan, 2009).

Một số vấn đề trong gia đình đa văn hoá

Pagaduan, nhà nghiên cứu nữ quyền người Philipine cho rằng “Ngôi nhà và gia đình như một nơi để thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng. Sự khuyến khích và phát triển nền văn hoá dân chủ phải được xem như là sự tự do thực sự không chỉ về mặt luật pháp mà của quyền phụ nữ và quyền con người khác” (Pagaduan, 2008).

Theo Kim Hyun Mee, nhà nghiên cứu nữ quyền Hàn Quốc thì “*Luật ủng hộ gia đình đa văn hoá*” nhằm “*cung cấp cho những người di cư kết hôn sự giáo dục trong nền tảng lịch sử và những nghi thức truyền thống Hàn Quốc trong hôn nhân, và trong những dịch vụ chỉ dẫn chăm sóc con cái*”. Luật định rõ bốn bước mà những người di cư kết hôn nên tuân theo, đó là: Bước 1: hình thành gia đình; bước 2: mang bầu và sinh con; bước 3: dạy dỗ con cái và bước 4: thâm nhập thị trường lao động. Người phụ nữ di cư kết hôn nào đi theo bốn bước trên sẽ được hưởng những phúc lợi xã

hội.

Luật này cũng tập trung vào những vai trò tái sản xuất của người phụ nữ. Kim nhấn mạnh: “...những gì mà chính phủ Hàn Quốc muốn về một gia đình đa văn hoá là gia đình đó phải dựa trên những giá trị gia đình truyền thống, đó là giữ nguyên tính gia trưởng và nhấn mạnh việc tái sản xuất. Quan điểm này của chính phủ về gia đình đa văn hoá thì khác xa quan điểm cùng tồn tại của nhiều nền văn hoá, là cốt lõi của chủ nghĩa đa văn hoá của phụ nữ nước ngoài với những nền tảng văn hoá khác nhau”. (Mary Lou L.Alcid, 2008).

Trong các gia đình đa văn hoá người vợ phải học ngôn ngữ, phong tục của chồng, học cách nấu ăn và tập ăn các món ăn của chồng còn người chồng không cần biết đến ngôn ngữ, văn hoá và cả món ăn của vợ. Con cái sinh ra chỉ theo văn hoá, ngôn ngữ Hàn Quốc mà không cần biết văn hoá của mẹ đẻ mình. Sự khiếm khuyết này sẽ là mầm mống của sự bất mãn dẫn đến xung đột gia đình, xung đột văn hoá. Thêm nữa thái độ kỳ thị của một số người dân là không tránh khỏi. Nhiều cô dâu dù đã có thể công dân nhưng vẫn cảm thấy xã hội Hàn Quốc coi mình là “người nước ngoài”. Sự cô đơn trong gia đình và ngoài cộng đồng của người vợ sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến hạnh phúc gia đình và khái niệm “đa văn hoá” không tồn tại và người vợ phải hy sinh văn hoá của mình để hoà nhập với xã hội của chồng.

Mặt khác, ngôn ngữ bất đồng đã cản trở đáng kể những người vợ Việt Nam trong lĩnh vực tiếp cận thông tin, việc làm, chăm sóc sức khoẻ, phúc lợi xã hội và pháp luật.

Các hoạt động hỗ trợ

Các can thiệp cấp quốc gia và khu vực đối với tình trạng di cư hôn nhân và buôn bán người hiện nay chủ yếu tập trung vào các hoạt động ngăn chặn buôn bán phụ nữ, điều tra, xét xử tội phạm. Phía Việt Nam còn lúng túng trước hiện tượng di cư kết hôn ào ạt tại nhiều địa phương. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, Chương 9 về “Quan hệ hôn nhân và gia đình của công dân Việt Nam với người nước ngoài” chỉ có 3 điều, trong khi Việt Nam chưa có Luật riêng về chống buôn bán người. Tình hình đó đã khiến cho việc quản lý hôn nhân có yếu tố nước ngoài gặp khó khăn. Chẳng hạn, chỉ sau vài ngày, người nước ngoài có thể làm thủ tục đăng ký kết hôn với người Việt Nam một cách dễ dàng không bị ràng buộc về các yếu tố tối thiểu và cơ bản như tình yêu, ngôn ngữ, sự am hiểu về vợ và gia

đình vợ...

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phối hợp với tổ chức Di cư quốc tế (IOM) bắt đầu có các chương trình hỗ trợ cô dâu lấy chồng nước ngoài, môi giới hôn nhân cho họ theo con đường hợp pháp, dạy nấu ăn, dạy ứng xử. Tuy nhiên, các chương trình này chưa được mở rộng. Hiện tại, ở nhiều địa phương chưa có những chương trình hỗ trợ phụ nữ di cư kết hôn phù hợp. Một số cô gái khi gặp khó khăn cũng không biết tìm đến cơ quan nào để xin tư vấn và giúp đỡ. Một số địa phương cũng mới chỉ ban hành quy chế tạm thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các nạn nhân trở về đoàn tụ cùng gia đình, tái hoà nhập cộng đồng sau khi bị lừa bán hoặc gặp khó khăn trong cuộc sống với chồng nước ngoài nhưng còn việc tạo điều kiện, giúp đỡ, chuẩn bị cho cô dâu Việt Nam hoà nhập với xã hội Hàn Quốc thì còn ít được quan tâm. Trong khi đó, các chương trình truyền thông về vấn đề này còn rất hạn chế, chưa thực sự giúp nâng cao nhận thức của phụ nữ, đặc biệt là những phụ nữ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Về phía Hàn Quốc đã có nhiều hoạt động trợ giúp các cô dâu nước ngoài trong đó có cô dâu Việt Nam như thành lập các trung tâm hỗ trợ cô dâu nước ngoài tại Hàn Quốc, các chương trình chống bạo lực gia đình trong các gia đình quốc tế, chương trình đưa một số cặp vợ chồng hạnh phúc về Việt Nam thăm gia đình vợ để hai bên hiểu biết và thông cảm hơn. Những hoạt động này đã có tác dụng thiết thực thúc đẩy cho việc hoà nhập cô dâu Việt Nam với xã hội Hàn Quốc, cũng như giúp vun đắp cho hạnh phúc của họ. Tuy nhiên, các hoạt động này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, đặc biệt là thiếu sự hợp tác giữa hai nước.

3. Một số ý kiến

Thực trạng vấn đề kết hôn giữa cô dâu Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc, vai trò và khả năng xây dựng gia đình của các cặp vợ chồng quốc tế với các chức năng kinh tế, xã hội, chính trị, thoả mãn tình cảm, giáo dục và xã hội hoá... cần hướng tới mục tiêu mang lại sự hoà nhập của các cô dâu nước ngoài vào xã hội Hàn Quốc mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Những nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội Hàn Quốc Việt Nam cần có các nghiên cứu và hành động để giúp chính phủ xem xét các chính sách về chủ nghĩa đa văn hoá với mục đích ủng hộ quyền cá nhân của những người phụ nữ di cư kết hôn.

Tình hình trên cho thấy sự cần thiết thành lập mạng lưới nghiên cứu và hành động quốc tế về vấn đề di cư và hôn nhân giữa Việt Nam và Hàn

Quốc nhằm cải thiện luật pháp hai nước, bảo vệ cho hôn nhân phụ nữ được an toàn, tôn trọng văn hoá hai nước và phòng chống buôn bán người. Trách nhiệm của cả hai nước cần được đặt ra rõ ràng và khoa học hơn. Đó là việc xây dựng những chính sách phù hợp với từng nước, xây dựng các thoả thuận quốc tế tích cực để bảo đảm tính chất tốt đẹp của hôn nhân quốc tế. Chẳng hạn, phía Việt Nam cần sửa đổi và bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình, tăng cường các hoạt động tuyên truyền cho những người có ý định lấy chồng Hàn Quốc, lập ra những trung tâm tư vấn hôn nhân, những lớp học ngôn ngữ và cung cấp những hiểu biết về đất nước và con người Hàn Quốc, những khó khăn mà cô dâu có thể gặp phải giúp họ những kỹ năng sống và những cách thích ứng tốt nhất khi về làm dâu, giúp họ biết được địa chỉ của các tổ chức hỗ trợ khi họ gặp khó khăn.

Phía Hàn Quốc cần có những hoạt động tuyên thông cho những người chồng về các quan niệm về hôn nhân đúng đắn, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, can thiệp vào các hoạt động nhập quốc tịch, chống kỳ thị các cô dâu và con cái họ, dạy tiếng Việt và văn hoá Việt cho trẻ con lai. Thành lập ra những trung tâm giúp đỡ phụ nữ khi họ gặp những khó khăn, bảo vệ nạn nhân trong những trường hợp ngược đãi, bạo lực. Người chồng cần có những hiểu biết và tôn trọng người bạn đời, gia đình họ và văn hoá Việt Nam.

Thời gian qua đã có một số Hội thảo về vấn đề di cư và hôn nhân được tổ chức ở Việt Nam và Hàn Quốc. Chẳng hạn như Hội thảo “Di cư và hôn nhân ở châu Á” do tổ chức Con đường mới của châu Á (ARENA) phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tổ chức năm 2007. Hội thảo đã đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn cho hiện tượng khu vực hoá hôn nhân quốc tế trong đó có vấn đề hôn nhân giữa Việt Nam và Hàn Quốc và các biện pháp giải quyết (Đình Văn Quảng, 2007). Đây là một vấn đề được nhiều trường đại học, các tổ chức chính trị, xã hội quan tâm. Việc trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và nghiên cứu, hành động giữa hai nước là rất cần thiết. Hợp tác quốc tế và phối hợp hành động trong việc giúp đỡ phụ nữ và nam giới kết hôn với người nước ngoài đã bắt đầu phát triển và có tác động góp phần củng cố các gia đình Việt Hàn ổn định, hạnh phúc, bền vững và trở thành cầu nối văn hoá giữa hai nước.

Các nghiên cứu cũng cần làm rõ số lượng và các hình thức hoạt động của các tổ chức môi giới trong nước và quốc tế, hậu quả của các hoạt động môi giới, buôn bán phụ nữ đối với gia đình, xã hội và bản thân người phụ nữ. Về phương diện này cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề quản lý nhà nước

với các cuộc hôn nhân quốc tế, hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội đặc biệt là Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, tổ chức Di cư quốc tế, hoạt động của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trực thuộc trong việc trợ giúp các cô dâu lấy chồng nước ngoài và gia đình họ.

Hôn nhân quốc tế không chỉ là vấn đề gia đình mà còn liên quan đến các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, ngoại giao. Bởi vậy, chúng ta cần phải có những giải pháp đồng bộ về các vấn đề này. Chẳng hạn, những giải pháp về chính sách của nhà nước, những giải pháp về cơ chế thực hiện, những giải pháp từ phía các gia đình, bản thân người phụ nữ và những giải pháp quốc tế. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể không để cho vấn đề hôn nhân quốc tế trở thành một mối lo ngại về sự bất ổn xã hội mà còn trở thành chiếc cầu nối cho sự hiểu biết lẫn nhau, giao lưu văn hoá và tình hữu nghị giữa các dân tộc. ■

Tài liệu tham khảo

- Ahn Kyong Hwan. 2009. “Hôn nhân quốc tế Việt - Hàn, vấn đề và giải pháp”. *Tạp chí Xã hội học* 1/2009.
- APMM. 2007. Foreign Brides Research: Psycho-social Profile and Perspectives of Foreign Brides" published by Asia Pacific Mission for Migrants.
- Đình Văn Quảng. 2007. Yếu tố văn hoá trong việc lấy chồng nước ngoài của phụ nữ Việt Nam, Báo cáo tại hội nghị “Di cư và hôn nhân ở châu Á” do tổ chức Con đường mới của châu Á (ARENA) phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tổ chức năm 2007.
- Jiung Lee An. 2008. Resistan to “Intergration Marriage Migrants: Implication to the Debate and Practice on Citizenship”. Paper in the Forum “Happily Ever After? Different Tales of Women Marriage Migrant: A Forum on Policy Interventions and Support Services for Women Marriage Migrant” in Malia, October 24.
- Le Thi Quy. 2008. “Situation of Marriage Migrant Women in Vietnam” *Korean Journal of Rural Welfare Studies*, December, 2008.
- Mary Lou L.Alcid. 2008. “Migration of Filipino Women for Marriage to Korean Men – Critical Issues and Challenges to Social Work” *Korean Journal of Rural Welfare Studies*, December.
- Pagaduan Maureen. 2008. Research Fellow, ARMMNet, Quotation from a press release of ARMMNet, October 22.
- Tổng cục Thống kê, số liệu năm 2008.
- Tintuc online, 7/10/2006.
- TTXVN. 118 cô gái cho xem mặt để lấy chồng Hàn Quốc, <http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/118-co-gai-cho-xem-mat-de-lay-chong-Han-Quoc/70082500/218/>.
- Viện nghiên cứu Pháp lý, Bộ Tư pháp. 2003. Dự án điều tra cơ bản tình hình phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài (Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc).